

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Kha	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên
Ông Bùi Văn Đầu	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2011)
Ông Mai Xuân Bình	Ủy viên
Ông Ngô Văn Tuy	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc
Ông Hà Quốc Hải	Phó Giám đốc
Ông Lê Minh Hải	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Khoa	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2011)
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Nghiêm Trung Minh	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Tuy	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây Dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 27. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.019.275.102.874	878.089.898.877
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	38.361.108.824	185.528.862.082
1. Tiền	111		38.361.108.824	132.876.367.307
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	52.652.494.775
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		500.618.265.134	442.671.674.156
1. Phải thu khách hàng	131		453.152.095.664	286.572.214.739
2. Trả trước cho người bán	132		9.802.726.214	159.775.950.444
3. Các khoản phải thu khác	135	6	46.697.563.258	3.313.013.291
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.034.120.002)	(6.989.504.318)
III. Hàng tồn kho	140	7	455.494.932.381	246.203.189.243
1. Hàng tồn kho	141		455.494.932.381	246.203.189.243
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.800.796.535	3.686.173.396
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.203.673.549	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.232.337.869	43.200
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	78.600.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.364.785.117	3.607.530.196
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		182.762.139.434	168.353.316.944
I. Tài sản cố định	220		120.716.713.283	99.863.210.720
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	68.676.188.761	56.721.952.354
- Nguyên giá	222		122.236.546.492	99.523.443.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.560.357.731)	(42.801.491.409)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	43.044.232.696	43.141.258.366
- Nguyên giá	228		43.536.700.000	43.536.700.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(492.467.304)	(395.441.634)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		8.996.291.826	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		35.890.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	10.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	35.890.000.000	30.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		26.155.426.151	28.490.106.224
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	26.155.426.151	28.490.106.224
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.202.037.242.308	1.046.443.215.821

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		862.955.657.637	726.320.133.424
I. Nợ ngắn hạn	310		846.028.640.244	705.343.075.667
1. Vay ngắn hạn	311	12	222.511.551.447	86.022.378.150
2. Phải trả người bán	312		351.174.032.345	257.190.765.364
3. Người mua trả tiền trước	313		179.471.660.881	216.698.312.568
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	6.515.578.545	27.292.511.532
5. Phải trả người lao động	315		10.415.656.001	18.099.893.510
6. Chi phí phải trả	316	14	34.163.237.424	43.277.795.055
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	41.802.473.601	51.286.087.603
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(25.550.000)	5.475.331.885
II. Nợ dài hạn	330		16.927.017.393	20.977.057.757
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		380.687.103	300.970.192
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337	16	16.546.330.290	20.676.087.565
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		327.803.642.721	316.893.047.882
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	327.803.642.721	316.893.047.882
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.750.519.081	7.045.926.437
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.045.926.437	3.522.963.219
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.007.197.203	6.324.158.226
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	18	11.277.941.950	3.230.034.515
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+300+439)	440		1.202.037.242.308	1.046.443.215.821



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.650.053.163.236	1.701.231.414.055
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	19	1.650.053.163.236	1.701.231.414.055
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	1.509.478.781.578	1.542.981.155.943
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		140.574.381.658	158.250.258.112
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	9.103.039.819	10.771.220.641
7. Chi phí tài chính	22	22	32.059.908.831	9.925.879.780
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		32.059.908.831	9.925.879.780
8. Chi phí bán hàng	24		2.265.744.912	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		57.033.246.399	64.060.010.550
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		58.318.521.335	95.035.588.423
11. Thu nhập khác	31		4.101.466.019	9.357.980.727
12. Chi phí khác	32		2.403.008.112	14.381.544.589
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.698.457.907	(5.023.563.862)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		60.016.979.242	90.012.024.561
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	14.531.840.089	22.502.981.162
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		45.485.139.153	67.509.043.399
16.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		2.477.941.950	34.515
16.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	62		43.007.197.203	67.509.008.884
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.434	2.567



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

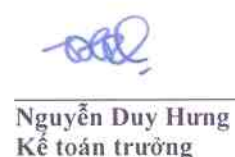
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	60.016.979.242	90.012.024.561
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.025.891.992	7.793.903.080
Các khoản dự phòng	03	2.044.615.684	4.816.039.252
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(9.103.039.819)	(13.792.627.482)
Chi phí lãi vay	06	32.059.908.831	9.925.879.780
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	96.044.355.930	98.755.219.191
(Tăng) các khoản phải thu	09	(36.603.282.741)	(66.332.598.255)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(209.291.743.138)	(77.718.518.981)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.196.863.359	66.697.057.316
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước và tài sản khác	12	1.131.006.524	(18.978.713.439)
Tiền lãi vay đã trả	13	(31.313.207.980)	(9.056.004.775)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.886.445.942)	(17.921.994.594)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.570.000.000	3.230.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.571.868.852)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(185.724.322.840)	(21.325.553.537)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.561.870.023)	(24.075.400.772)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.839.181.819
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(55.890.000.000)	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	20.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.804.166.308	7.895.112.308
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(56.647.703.715)	(42.341.106.645)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	158.741.767.260
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	599.121.313.942	209.321.628.150
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(462.632.140.645)	(153.299.250.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(41.284.900.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	95.204.273.297	214.764.145.410
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(147.167.753.258)	151.097.485.228
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	185.528.862.082	34.431.376.854
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	38.361.108.824	185.528.862.082

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm không bao gồm 40 tỷ đồng phải thu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV GAS), do PV GAS nhận chuyển nhượng từ Công ty 5.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam. Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần (Tăng) các khoản phải thu.


Họ Sỹ Hoàng
Giám đốc


Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 300.000.000.000 VND, được chia thành 30.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 912 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 906 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 01 công ty con:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng - PIC7	Vũng Tàu	51%	51%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 26.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư dài hạn khác.

Đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ và các khoản đầu tư khác với thời hạn lớn hơn 01 năm. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại thời điểm báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả phát sinh từ các ước tính kế toán dựa trên tỷ lệ lãi gộp dự toán của các công trình, phát sinh do chi phí tập hợp chưa đầy đủ tại ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Các khoản chi phí trích trước này sẽ đảm bảo rằng công trình được tập hợp đầy đủ chi phí trong trường hợp các phần công việc của công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán với nhà thầu phụ. Việc trích trước chi phí công trình tuân theo các quy định hiện hành về kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	153.865.963	468.878.791
Tiền gửi ngân hàng	38.207.242.861	132.407.488.516
Các khoản tương đương tiền	-	52.652.494.775
	<u>38.361.108.824</u>	<u>185.528.862.082</u>

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Phải thu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (*)	40.000.000.000	-
Phải thu lãi trả chậm Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.298.873.511	-
Phải thu khác	3.398.689.747	3.313.013.291
	<u>46.697.563.258</u>	<u>3.313.013.291</u>

(*) Theo Hợp đồng chuyển quyền sở hữu cổ phần số 297/2011/PVGAS/TC - PVC IC/D4 ngày 07 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC IC) và Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGAS), PVC IC đã chuyển nhượng cho PV GAS 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV PIPE) với giá trị 54.850.000.000 VND. Trong năm 2011, PV GAS đã chuyển trả cho PVC IC 14.850.000.000 VND. Số tiền còn lại PV GAS sẽ thanh toán trong năm 2012.

7. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.737.116.783	24.157.917.289
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	439.296.719.246	222.045.271.954
Hàng hóa	5.461.096.352	-
	<u>455.494.932.381</u>	<u>246.203.189.243</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể được thực hiện của hàng tồn kho	<u>455.494.932.381</u>	<u>246.203.189.243</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	5.566.846.158	70.818.799.567	13.060.066.953	10.077.731.085	99.523.443.763
- Mua sắm mới	-	18.488.367.657	2.623.309.091	1.771.425.981	22.883.102.729
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(170.000.000)	-	(170.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	5.566.846.158	89.307.167.224	15.513.376.044	11.849.157.066	122.236.546.492
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	3.662.060.438	23.857.708.614	11.690.949.322	3.590.773.035	42.801.491.409
- Trích vào chi phí	438.637.848	7.883.110.499	812.684.445	1.794.433.530	10.928.866.322
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(170.000.000)	-	(170.000.000)
Tại ngày 31/12/2011	4.100.698.286	31.740.819.113	12.333.633.767	5.385.206.565	53.560.357.731
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	1.466.147.872	57.566.348.111	3.179.742.277	6.463.950.501	68.676.188.761
Tại ngày 31/12/2010	1.904.785.720	46.961.090.953	1.369.117.631	6.486.958.050	56.721.952.354

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 10.538.257.683 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 7.025.981.389 VND).

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2011	43.536.700.000
Tại ngày 31/12/2011	43.536.700.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ	
Tại ngày 01/01/2011	395.441.634
Khấu hao trong năm	97.025.670
Tại ngày 31/12/2011	492.467.304
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2011	43.044.232.696
Tại ngày 31/12/2010	43.141.258.366

Tài sản cố định vô hình là tài sản nhận vốn góp từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 04 tháng 02 năm 2010 đã được Hội đồng Quản trị PVC phê duyệt tại Nghị quyết số 1138/NQXLDK ngày 30 tháng 12 năm 2009 về việc phê duyệt phương án xử lý đất đai phục vụ công tác chuyển đổi các Công ty TNHH MTV của PVC. Tài sản nhận góp vốn bao gồm quyền sử dụng đất tại 3 thửa đất: Thửa đất số 11 tại đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 5.104,4 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 15.313.200.000 VND; thửa đất số 10 và 215 đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 8.070,6 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 24.211.800.000 VND; thửa đất số 108 tại 242 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với diện tích là 4.011,7 m² có giá trị sau khi đánh giá lại là 4.011.700.000 VND. Trong năm, Công ty chỉ thực hiện trích khấu hao cho diện tích đất sử dụng làm trụ sở Công ty với nguyên giá ước tính khoảng 1,6 tỷ VND. Công ty không thực hiện khấu hao đối với diện tích còn lại do có kế hoạch đầu tư xây dựng các khu phức hợp Thương mại dịch vụ, Văn phòng cho thuê, căn hộ... để kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ

Số 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
 Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư dài hạn khác (i)	35.890.000.000	30.000.000.000
	<u>35.890.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>

(i) Đầu tư dài hạn khác bao gồm:

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV-PIPE) để thực hiện dự án Nhà máy Sản xuất Ống thép hàn thẳng tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, với mức vốn góp là 75.000.000.000 VND, tương ứng 15% vốn điều lệ. Ngày 12 tháng 5 năm 2011, theo Thông báo kết luận cuộc họp số 4180/TB-DKVN, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) làm thủ tục rút vốn ra khỏi Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV-PIPE). Ngày 21 tháng 6 năm 2011, Công ty đã có Công văn số 82/CNDD-HĐQT gửi PVC xin chủ trương chuyển nhượng cổ phần PV-PIPE cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGAS). Theo Nghị quyết số 553/NQ-XLDK ngày 27 tháng 6 năm 2011, PVC đã chấp thuận cho Công ty chuyển nhượng phần vốn tại PV-PIPE. Trong năm 2011, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng cho PVGAS 5.000.000 cổ phần PV-PIPE; theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị khoản đầu tư của Công ty tại PV-PIPE còn lại là 25.000.000.000 VND.

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa phương tiện nổi - PTSC (PTSC-Shipyard) có vốn điều lệ là 300.000.000.000 VND với mức vốn góp là 11% vốn điều lệ của PTSC-Shipyard, tương ứng 33.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã góp 10.890.000.000 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công cụ, dụng cụ, giàn giáo xuất dùng	25.918.013.999	28.490.106.224
Công cụ, dụng cụ khác	237.412.152	-
	<u>26.155.426.151</u>	<u>28.490.106.224</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. VAY NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	115.111.551.447	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	107.400.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	86.022.378.150
	<u>222.511.551.447</u>	<u>86.022.378.150</u>

(i) Khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 226/2011/TD-MB-VTA và Bảo lãnh số 265/2011/BL-MB-VTA ngày 12 tháng 09 năm 2011. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150.000.000.000 VND. Khoản vay này có tài sản đảm bảo là doanh thu và lợi nhuận từ phương án kinh doanh được Ngân hàng tài trợ, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 3 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần.

(ii) Bao gồm 2 khoản:

- Khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức ngắn hạn số 30098/HĐHM/DN ngày 02 tháng 08 năm 2011. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 80.000.000.000 VND. Khoản vay này có biện pháp bảo đảm là toàn bộ dư nợ và bảo lãnh trong và ngoài hạn mức hiện tại của cả PIC7 và PVC IC (không vượt quá 280.000.000.000 VND). Lãi suất được quy định trong từng Giấy nhận nợ.

- Khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức ngắn hạn số 30099/HĐHM/DN ngày 02 tháng 08 năm 2011. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh là 50.000.000.000 VND. Khoản vay này có biện pháp bảo đảm là toàn bộ tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng-PIC7 (Công ty con của Công ty). Lãi suất được áp dụng cho từng Giấy nhận nợ.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	14.230.387	21.595.642.459
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.647.855.129	5.002.460.982
Thuế thu nhập cá nhân	853.493.029	694.408.091
	<u>6.515.578.545</u>	<u>27.292.511.532</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công trình - Mở rộng khách sạn Đà Lạt - VSP	9.526.943.051	12.476.077.720
Công trình - Bãi Kết cấu Kim loại và Thiết bị Dầu khí	7.255.090.910	-
Công trình - Căn cứ Ứng phó Sự cố tràn dầu tại Thành phố Vũng Tàu	5.419.166.460	-
Công trình - Nhà làm việc Xí nghiệp Khoan, Xí nghiệp Vận tải, Xí nghiệp Cơ điện và Trung tâm An toàn - VSP	3.803.662.442	-
Công trình - Sửa chữa nhà văn phòng Công ty	3.477.903.880	-
Công trình - 242 Nguyễn Hữu Cánh	281.818.182	-
Công trình - Cao ốc Dragon Tower	1.215.417.700	-
Công trình - Cải tạo Văn phòng Công ty	1.156.911.560	-
Công trình - Chung cư Phúc hợp số 2 Nguyễn Hữu Cánh	625.587.181	-
Công trình - Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	583.505.500	-
Công trình - Nhà ở Vận động viên Bóng chuyền VSP	456.909.091	-
Công trình - Kho trung chuyển Miền Trung Tây Nguyên	250.000.000	250.000.000
Công trình - Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2	-	17.050.000.000
Công trình - Nhà trẻ, Mẫu giáo Trà My Petrosetco	-	545.614.550
Công trình - Mở rộng khách sạn Đà Lạt - VSP	-	12.467.532.467
Công trình - San lấp Mặt bằng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2	-	488.570.318
Chi phí phải trả khác	110.321.467	-
	34.163.237.424	43.277.795.055

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (i)	37.255.506.998	25.616.483.309
Kinh phí công đoàn	1.433.075.941	728.417.573
Phải trả các cổ đông khác	-	23.520.000.000
Lãi vay dự trả	1.471.209.189	869.875.005
Phải trả, phải nộp khác	1.642.681.473	551.311.716
	41.802.473.601	51.286.087.603

(i) Các khoản phải trả Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, bao gồm:

- Phải trả cổ tức năm 2010, 2011 với số tiền là 36.720.000.000 VND.
- Các khoản phải trả khác là 535.506.998 VND.

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	2011	2010
	VND	VND
Tại ngày 01/01	20.676.087.565	7.127.485.925
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	3.872.823.470	17.406.975.938
Hoàn nhập dự phòng	8.002.580.745	3.640.732.582
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	217.641.716
Tại ngày 31/12	16.546.330.290	20.676.087.565

Các khoản dự phòng bảo hành công trình phản ánh ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành 24 tháng mà Công ty áp dụng đối với các công trình Công ty đã hoàn thành trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các công trình gặp phải sự cố sau thời điểm nghiệm thu bàn giao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	-	-	2.528.846.471	52.528.846.471
Tăng vốn trong năm	250.000.000.000	-	-	-	250.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	67.509.008.884	67.509.008.884
Tăng khác	-	-	-	421.474.412	421.474.412
Tạm chia cổ tức	-	-	-	(48.000.000.000)	(48.000.000.000)
Trích lập các quỹ	-	7.045.926.437	3.522.963.219	(16.135.171.541)	(5.566.281.885)
Tại ngày 01/01/2011	300.000.000.000	7.045.926.437	3.522.963.219	6.324.158.226	316.893.047.882
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	43.007.197.203	43.007.197.203
Trích lập các quỹ (i)	-	704.592.644	3.522.963.218	(6.324.092.829)	(2.096.536.967)
Tạm ứng cổ tức (ii)	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(65.397)	(65.397)
Tại ngày 31/12/2011	300.000.000.000	7.750.519.081	7.045.926.437	13.007.197.203	327.803.642.721

(i) Theo Nghị quyết số 63/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty đã thông qua phương án trích lập các Quỹ đầu tư phát triển là 7.750.519.081 VND, Quỹ dự phòng tài chính là 7.045.926.437 VND, Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 7.662.818.852 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Dự phòng tài chính đã được tạm trích với số tiền lần lượt là 7.045.926.437 VND và 3.522.963.219 đồng, số còn lại đã được Công ty thực hiện trích bổ sung trong năm 2011.

(ii) Theo Nghị quyết số 63/NQ-CNDD-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức là 48.000.000.000 VND (số cổ tức này đã được Công ty trích năm 2010).

Theo Nghị quyết số 134/NQ-CNDD ngày 14 tháng 11 năm 2011, Hội đồng Quản trị phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2011 với tỷ lệ 10% cổ phần bằng tiền mặt, tương đương 30.000.000.000 VND.

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả 41.284.900.000 VND, số cổ tức còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 36.720.000.000 VND.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ	Vốn đã góp đến ngày	
			31/12/2011	31/12/2010
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51%	153.000.000.000	153.000.000.000
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49%	147.000.000.000	147.000.000.000
	300.000.000.000	100%	300.000.000.000	300.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại công ty con được xác định là 46%.

Biến động lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2010			
Tăng vốn trong năm	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	3.230.000.000	-	3.230.000.000
	-	34.515	34.515
Tại ngày 01/01/2011	3.230.000.000	34.515	3.230.034.515
Tăng vốn trong năm	5.570.000.000	-	5.570.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	2.477.941.950	2.477.941.950
Giảm khác	-	(34.515)	(34.515)
Tại ngày 31/12/2011	8.800.000.000	2.477.941.950	11.277.941.950

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Trong năm, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh.

Doanh thu - Giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:

	2011 VND	2010 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.596.155.920.674	1.696.089.376.781
Doanh thu hoạt động cung cấp bê tông và dịch vụ khác	26.831.254.572	5.142.037.274
Doanh thu cung cấp vật tư	27.065.987.990	-
	1.650.053.163.236	1.701.231.414.055
	2011 VND	2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.474.738.304.379	1.538.397.882.716
Giá vốn hoạt động cung cấp bê tông và dịch vụ khác	24.054.200.849	4.583.273.227
Giá vốn hoạt động cung cấp vật tư	10.686.276.350	-
	1.509.478.781.578	1.542.981.155.943

Các công trình của Công ty chủ yếu được thi công trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Đồng Nai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm công ty mẹ và công ty con - Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng - PIC 7 ("PIC7").

Các thông tin về hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty theo từng đơn vị như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011

	Công ty mẹ 31/12/2011 VND	PIC7 31/12/2011 VND	Loại trừ 31/12/2011 VND	Tổng cộng 31/12/2011 VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.208.410.181.905	94.765.948.985	(101.138.888.582)	1.202.037.242.308
Tổng tài sản hợp nhất	1.208.410.181.905	94.765.948.985	(101.138.888.582)	1.202.037.242.308
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	883.478.699.172	70.415.847.047	(90.938.888.582)	862.955.657.637
Tổng nợ phải trả hợp nhất	883.478.699.172	70.415.847.047	(90.938.888.582)	862.955.657.637

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

	Công ty mẹ VND	PIC7 VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.622.987.175.246	220.217.413.022	(193.151.425.032)	1.650.053.163.236
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(1.498.792.505.228)	(203.837.701.382)	193.151.425.032	(1.509.478.781.578)
3. Chi phí không phân bổ	(70.681.287.065)	(9.876.115.351)	-	(80.557.402.416)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	53.513.382.953	6.503.596.289	-	60.016.979.242

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	986.770.678.040	895.669.467.812
Chi phí nhân công	206.306.735.963	223.432.150.033
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.856.648.402	7.793.903.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	667.609.053.368	503.626.616.033
Chi phí khác	15.222.444.541	56.900.065.084
	1.886.765.560.314	1.687.422.202.042

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.253.039.819	10.771.220.641
Lãi chuyển nhượng cổ phần PV PIPE	4.850.000.000	-
	9.103.039.819	10.771.220.641

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2011	2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	32.059.908.831	9.925.879.780
	32.059.908.831	9.925.879.780

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	60.016.979.242	90.012.024.561
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	99.912
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	60.016.979.242	90.011.924.649
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	472.404.722	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.531.840.089	22.502.981.162

(*) Phản ánh thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu Xây dựng - PIC7 (công ty con của Công ty) theo Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2009 và Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 về việc ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2011	2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.007.197.203	67.509.008.884
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.000.000	26.301.370
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.434	2.567

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa phương tiện nổi - PTSC (PTSC-Shipyard) theo Quyết định số 193 A/QĐ-CNDD ngày 12 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Công ty với số tiền là 22.110.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.361.108.824	185.528.862.082
Phải thu khách hàng và phải thu khác	490.815.538.920	282.895.723.712
Đầu tư dài hạn khác	35.890.000.000	30.000.000.000
Tổng cộng	565.066.647.744	498.424.585.794
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	222.511.551.447	86.022.378.150
Phải trả người bán và phải trả khác	391.532.032.308	307.748.435.394
Chi phí phải trả	34.163.237.424	43.277.795.055
Tổng cộng	648.206.821.179	437.048.608.599

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất, giá các công cụ vốn và giá hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu quá hạn thanh toán. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu quá hạn thanh toán như trình bày dưới đây:

Đối tượng	Số dư phải thu
	tại ngày 31/12/2011 VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGAS)	71.488.482
Chi nhánh Công ty Xây dựng Công trình Hàng không	86.671.201
Công ty Muối Công nghiệp	123.141.138
Công ty Cổ phần Xây dựng M&T	442.790.202
Công ty TNHH Hồng Long	435.424.206
Công ty TNHH Điều dưỡng Vũng Tàu	7.097.380.925
Công ty Cổ phần Đông Dương	524.267.960
Trung tâm Giáo dục Lao động thường xuyên Vũng Tàu	116.070.345
Doanh nghiệp Tư nhân Phùng Thịnh	110.000.000
Công ty Cơ giới và Xây lắp số 10	447.353.004
Công ty Cổ phần LICOGI 15	143.985.228
Trường THCS Trần Hưng Đạo	235.463.879
Cơ sở Tuấn Vinh	20.000.000
Ông Nguyễn Phi Long	490.114.838
	10.344.151.408

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍSố 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	222.511.551.447	-	222.511.551.447
Phải trả người bán và phải trả khác	391.532.032.308	-	391.532.032.308
Chi phí phải trả	34.163.237.424	-	34.163.237.424
	648.206.821.179	-	648.206.821.179
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	86.022.378.150	-	86.022.378.150
Phải trả người bán và phải trả khác	307.748.435.394	-	307.748.435.394
Chi phí phải trả	43.277.795.055	-	43.277.795.055
	437.048.608.599	-	437.048.608.599

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.361.108.824	-	38.361.108.824
Phải thu khách hàng và phải thu khác	490.815.538.920	-	490.815.538.920
Đầu tư dài hạn	-	35.890.000.000	35.890.000.000
	529.176.647.744	35.890.000.000	565.066.647.744
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.528.862.082	-	185.528.862.082
Phải thu khách hàng và phải thu khác	282.895.723.712	-	282.895.723.712
Đầu tư dài hạn	-	30.000.000.000	30.000.000.000
	468.424.585.794	30.000.000.000	498.424.585.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2011	2010
	VND	VND
Thi công các công trình xây lắp		
Liên doanh Dầu khí Việt Nga - VSP	429.279.627.907	488.947.006.551
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	314.987.872.575	73.114.836.020
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	282.240.459.643	272.343.524.866
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí	225.421.984.430	80.181.115.537
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	69.374.125.455	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	62.367.346.474	208.132.242.254
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - PTSC	47.845.052.581	29.823.492.207
Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu Khu vực Phía Nam	43.590.909.091	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	38.559.867.792	143.512.008.902
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	36.973.912.851	86.289.771.013
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	17.260.319.091	4.697.205.079
BQL Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch - PVC	14.952.705.550	116.596.474.450
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	10.860.886.468	18.365.981.818
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	680.826.095	750.585.991
Cung cấp hàng hoá, dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng hải Dầu khí - PTSC	8.613.777.185	4.124.876.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn Khoan Dầu khí	3.593.802.610	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.408.805.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	304.545.455	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Thiết bị Dầu khí APEM	19.400.000	-
Mua hàng hoá, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6.590.592.471	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	5.625.194.080	-
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	2.163.025.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.210.671.367	26.913.495.830
Thu nhập của Ban Giám đốc	3.050.448.143	2.732.655.781
	3.050.448.143	2.732.655.781

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Sơ dư chủ yếu với các bên liên quan:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	102.483.800.711	10.670.594.445
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	93.547.019.343	7.719.623.532
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	41.699.041.091	41.255.836.191
Liên doanh Dầu khí Việt - Nga VSP	38.790.089.870	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	32.000.574.852	28.436.106.703
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	31.683.638.964	29.244.706.251
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng	20.242.575.123	578.367.869
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	17.260.319.091	14.001.712.487
Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ khí	16.041.085.637	-
BQL Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch - PVC	13.223.326.772	14.865.641.626
Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu Khu vực Phía Nam	12.454.545.455	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải	5.643.687.852	2.575.838.100
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	2.020.258.000	10.101.290.030
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - BQL Dự án Cảng	1.993.487.088	3.023.112.077
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí	1.901.977.500	-
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.459.604.837	6.127.866.334
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.185.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.096.707.368	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	781.858.387	436.354.012
Người mua trả tiền trước		
Liên doanh Dầu khí Việt - Nga VSP	149.127.734.072	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	13.040.184.500	-
Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu Khu vực Phía Nam	10.275.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	7.459.604.837	3.218.255.847
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	4.197.292.011	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	37.255.506.998	25.616.483.309
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>36.720.000.000</i>	<i>24.480.000.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>535.506.998</i>	<i>1.136.483.309</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.



Hồ Sỹ Hoàng
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

